

TP. Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2023

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước

- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh (trên cơ sở hợp nhất và riêng lẻ) cho năm 2022 và 2021.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty” hay “Tập đoàn”) xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế TNDN (trên cơ sở hợp nhất và riêng lẻ) cho năm 2022 và 2021 như sau:

Báo cáo tài chính hợp nhất:

Lỗ thuần sau thuế TNDN năm 2022 của Tập đoàn đạt 234 tỷ VND, giảm 119% so với năm trước, tương đương 1.488 tỷ VND chủ yếu do những nguyên nhân sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Biến động	
		(tỷ VND)	(tỷ VND)	Giá trị (tỷ VND)	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu thuần (i)	4.785	18.891	(14.106)	-75%
2	Lợi nhuận gộp (i)	344	2.303	(1.959)	-85%
3	Doanh thu hoạt động tài chính (ii)	633	1.521	(888)	-58%
4	Chi phí bán hàng (iii)	439	902	(463)	-51%
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp (iii)	361	753	(392)	-52%
6	(Lỗ)/Lợi nhuận thuần sau thuế	(234)	1.254	(1.488)	-119%

(i) Doanh thu thuần năm 2022 đạt 4.785 tỷ đồng, giảm 14.106 tỷ đồng so với năm trước do từ cuối năm 2021, Tập đoàn đã không còn doanh thu từ mảng sản xuất thức ăn chăn nuôi và việc này đã dẫn tới lợi nhuận gộp giảm 1.959 tỷ đồng so với năm trước;

(ii) Doanh thu hoạt động tài chính giảm 888 tỷ đồng so với năm trước chủ yếu do cuối năm 2021, Tập đoàn ghi nhận lãi từ việc ngừng hợp nhất các công ty con do giao dịch hoán đổi cổ phần trong MNS Feed;

(iii) Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm 855 tỷ đồng so với năm trước do từ cuối năm 2021, Tập đoàn đã không còn kinh doanh mảng sản xuất thức ăn chăn nuôi.

Báo cáo tài chính riêng lẻ:

Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN năm 2022 là 14 tỷ đồng, giảm 3.980 tỷ so với mức lợi nhuận năm 2021, chủ yếu do sự biến động từ các chỉ tiêu sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Biến động	
		(tỷ VND)	(tỷ VND)	Giá trị (tỷ VND)	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu thuần (i)	-	9.819	(9.819)	-100%
2	Lợi nhuận gộp (i)	-	657	(657)	-100%
3	Doanh thu hoạt động tài chính (ii)	399	4.135	(3.736)	-90%
4	Lãi thuần sau thuế	14	3.994	(3.980)	-100%

(i) Do tái cấu trúc hoạt động các mảng kinh doanh (sản xuất thức ăn chăn nuôi, trang trại chăn nuôi và sản xuất chế biến thịt) nên từ cuối Quý 4/2021 (tháng 12/2021) Công ty đã không còn hoạt động bán hàng;

(ii) Doanh thu hoạt động tài chính giảm 3.736 tỷ đồng so với năm trước chủ yếu do giảm thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia từ công ty con là 3.810 tỷ đồng trong khi thu nhập lãi tăng 74 tỷ đồng;

Trân trọng,

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
MASAN
MEATLIFE**

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE
DN: C=VN, L=TPHCM,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
MASAN MEATLIFE,
OID.0.9.2342.19200300.100.1
.1=MST:0311224517,
E=TAMNT47@VIETTEL.COM
.VN
Reason: I am the author of
this document
Location: your signing location
here
Date: 2023-03-01 15:55:16
Foxit Reader Version: 9.7.1

CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN QUỐC TRUNG 





Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022**

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
MASAN
MEATLIFE**

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE
DN: C=VN, L=TPHCM,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
MASAN MEATLIFE,
OID.0.9.2342.19200300.100.1
.1=MST:0311224517,
E=TAMNT47@VIETTEL.COM
.VN
Reason: I am the author of
this document
Location: your signing location
here
Date: 2023-03-01 16:40:11
Foxit Reader Version: 9.7.1

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0311224517

ngày 7 tháng 10 năm 2011

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 12 tháng 9 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le
Ông Trần Phương Bắc
Ông Huỳnh Việt Thăng
Ông Nguyễn Quốc Trung

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 28 tháng 4 năm 2022)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Trung

Tổng Giám đốc

Ủy ban Kiểm toán

Ông Huỳnh Việt Thăng
Ông Trần Phương Bắc

Chủ tịch
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc


Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 36 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



The stamp is circular with a red border. Inside the border, the text reads: 'CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE' in the center, and 'QUẬN HOÀNG MÃI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH' around the bottom edge. There is also a small number '811224' at the top. A blue ink signature is written over the stamp.

Nguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 1 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 36.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Masan MEATLife tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00920-23-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Triệu Tích Quyền
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2023

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		2.538.477.702.905	3.533.822.773.228
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	7.668.804.630	88.110.851.108
Tiền	111		7.668.804.630	38.110.851.108
Các khoản tương đương tiền	112		-	50.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	256.165.829.261
Chứng khoán kinh doanh	121	5	-	256.165.829.261
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.527.879.070.464	3.188.932.509.419
Phải thu của khách hàng	131	6	20.242.867.968	20.641.523.908
Trả trước cho người bán	132		12.314.996	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7(a)	2.350.850.000.000	3.121.950.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	176.047.556.602	65.988.861.524
Dự phòng phải thu khó đòi	137	6	(19.273.669.102)	(19.647.876.013)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.929.827.811	613.583.440
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		789.818.310	613.583.440
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.140.009.501	-
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		7.349.458.136.297	3.964.037.962.462
Các khoản phải thu dài hạn	210		985.000.000.000	2.756.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7(b)	985.000.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	2.756.000
Tài sản cố định	220		366.266.235	246.034.113
Tài sản cố định hữu hình	221		366.266.235	39.901.535
Nguyên giá	222		609.058.500	247.460.318
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(242.792.265)	(207.558.783)
Tài sản cố định vô hình	227		-	206.132.578
Nguyên giá	228		918.560.700	918.560.700
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(918.560.700)	(712.428.122)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		6.363.958.385.053	3.962.880.024.017
Đầu tư vào các công ty con	251	9(a)	5.789.811.020.000	3.314.777.300.000
Đầu tư vào một công ty liên kết	252	9(b)	648.102.724.017	648.102.724.017
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	9(a)	(73.955.358.964)	-
Tài sản dài hạn khác	260		133.485.009	909.148.332
Chi phí trả trước dài hạn	261		133.485.009	909.148.332
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		9.887.935.839.202	7.497.860.735.690

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		4.448.858.147.957	2.080.965.707.890
Nợ ngắn hạn	310		2.159.876.532.432	114.160.530.353
Phải trả người bán	311	10	47.454.673.876	4.219.526.114
Người mua trả tiền trước	312		293.382.022	323.766.646
Thuế phải nộp Nhà nước	313	11	2.788.446.307	585.949.237
Phải trả người lao động	314		-	5.223.974
Chi phí phải trả	315	12	86.832.348.603	78.397.720.625
Phải trả ngắn hạn khác	319	13(a)	4.307.681.624	1.328.343.757
Vay ngắn hạn	320	14(a)	2.018.200.000.000	29.300.000.000
Nợ dài hạn	330		2.288.981.615.525	1.966.805.177.537
Phải trả dài hạn khác	337	13(b)	315.033.720.000	-
Trái phiếu phát hành dài hạn	338	14(b)	1.973.790.034.025	1.966.647.316.037
Dự phòng phải trả dài hạn	342		157.861.500	157.861.500
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.439.077.691.245	5.416.895.027.800
Vốn chủ sở hữu	410	15	5.439.077.691.245	5.416.895.027.800
Vốn cổ phần	411	16	3.271.329.400.000	3.269.884.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.271.329.400.000	3.269.884.470.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.126.179.665.149	2.119.005.015.149
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		41.568.626.096	28.005.542.651
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (lỗ lũy kế) đến cuối năm trước	421a		28.005.542.651	(2.363.473.770.995)
- Lợi nhuận sau thuế năm nay/năm trước	421b		13.563.083.445	2.391.479.313.646
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		9.887.935.839.202	7.497.860.735.690

Ngày 1 tháng 3 năm 2023



Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Điềm
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

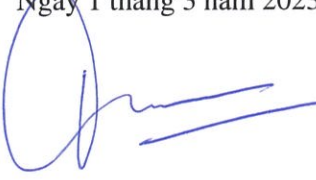
Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng	01		-	10.426.612.864.715
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	607.391.240.914
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10		-	9.819.221.623.801
Giá vốn hàng bán	11		-	9.162.424.321.210
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		-	656.797.302.591
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	399.151.446.172	4.135.046.625.560
Chi phí tài chính	22	20	274.128.903.173	321.811.082.282
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		192.964.837.536	258.397.797.338
Chi phí bán hàng	25		-	330.079.491.837
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	111.716.043.665	146.906.364.440
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		13.306.499.334	3.993.046.989.592
Thu nhập khác	31		503.945.630	817.986.182
Chi phí khác	32		247.361.519	142.271.828
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		256.584.111	675.714.354
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		13.563.083.445	3.993.722.703.946
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	22	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		13.563.083.445	3.993.722.703.946

Ngày 1 tháng 3 năm 2023


Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Hồng Điềm
Giám đốc Tài chính


Nguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	13.563.083.445	3.993.722.703.946
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	276.480.503	397.341.617
Các khoản dự phòng	03	73.706.223.009	10.137.389.946
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.515.307)	288.865.868
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(396.052.029.514)	(4.134.146.296.546)
Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	06	200.107.555.524	262.128.231.342
(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(108.401.202.340)	132.528.236.173
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(27.002.265.545)	491.725.881.828
Biến động hàng tồn kho	10	-	102.140.377.965
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	54.140.854.603	(3.019.173.586.311)
Biến động chi phí trả trước	12	599.428.453	4.467.753.731
Biến động chứng khoán kinh doanh	13	256.165.829.261	(256.165.829.261)
		175.502.644.432	(2.544.477.165.875)
Tiền lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu đã trả	14	(190.153.670.960)	(854.358.016.260)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(924.756.781)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(14.651.026.528)	(3.399.759.938.916)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(410.218.182)	(228.157.700)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	13.505.557	46.036.522
Tiền chi cho vay	23	(4.622.150.000.000)	(10.190.300.000.000)
Tiền thu hồi khoản cho vay và rút tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	4.408.250.000.000	8.028.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các công ty con và một công ty liên kết	25	(2.160.000.000.000)	(3.348.091.835.017)
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	311.119.616.468	4.213.181.894.175
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.063.177.096.157)	(1.297.392.062.020)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

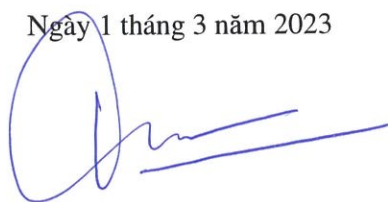
Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	8.619.580.000	2.636.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	2.586.800.000.000	12.020.720.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34	(597.900.000.000)	(6.812.504.095.436)
Tiền trả cổ tức	36	(136.019.100)	(1.601.373.440.625)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.997.383.560.900	3.609.478.463.939
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(80.444.561.785)	(1.087.673.536.997)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	88.110.851.108	1.176.073.253.973
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	2.515.307	(288.865.868)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	7.668.804.630	88.110.851.108

Ngày 1 tháng 3 năm 2023



Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Diễm
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc

17-C...
Y...
V...
E...
CHÍNH

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Masan MEATLife (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty đã được giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết (“UPCOM”) theo Quyết định số 804/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành ngày 2 tháng 12 năm 2019.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư. Công ty đã ngừng kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản sau khi Công ty chuyển giao mảng hoạt động kinh doanh thức ăn chăn nuôi (được nắm giữ bởi Công ty Cổ phần MNS Feed và các công ty con) trong tháng 12 năm 2021.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 5 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết sở hữu trực tiếp (1/1/2022: 2 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết sở hữu trực tiếp) như được trình bày trong Thuyết minh 9.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 117 nhân viên (1/1/2022: 32 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là trái phiếu được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi khoản lãi phát sinh trong giai đoạn trước ngày mua chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư vào các công ty con và một công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào các công ty con và một công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

(g) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(h) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(i) Trái phiếu thường phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Vốn cổ phần được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu so với mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận trong thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(m) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi, cho vay và trái phiếu; lãi từ thanh lý chứng khoán kinh doanh và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập từ cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được xác lập.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, trái phiếu, chi phí phát hành trái phiếu (sau đây được gọi chung là “chi phí đi vay”) và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản liên quan.

(n) Thuê hoạt động

Các tài sản thuê mà theo các điều khoản của hợp đồng thuê, Công ty, với tư cách là bên đi thuê, không chịu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

(p) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm trước.

Thông tin so sánh được mang sang từ các số liệu và số dư trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.



Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền gửi ngân hàng	7.668.804.630	38.110.851.108
Các khoản tương đương tiền	-	50.000.000.000
	<hr/> 7.668.804.630	<hr/> 88.110.851.108

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

5. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2022		1/1/2022			
	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
Trái phiếu được phát hành bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, công ty mẹ	-	-	-	2.561.650	256.165.829.261	-
		<hr/>			<hr/>	

Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng các trái phiếu này cho một bên liên quan.

6. Phải thu của khách hàng

Không có số dư phải thu từ các bên liên quan trong khoản phải thu của khách hàng (1/1/2022: không).

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	19.647.876.013	5.113.318.797
Dự phòng trích lập trong năm	-	9.091.194.831
Nhận từ các công ty con	-	8.255.441.357
Chuyển sang các công ty con	-	(2.812.078.972)
Dự phòng sử dụng trong năm	(125.070.956)	-
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(249.135.955)	-
	<hr/> 19.273.669.102	<hr/> 19.647.876.013

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn bằng VND như sau:

	Năm đáo hạn	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty mẹ			
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	2022	-	2.662.750.000.000
Các công ty con sở hữu trực tiếp			
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN	2022	-	87.000.000.000
▪ Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	2022	-	106.000.000.000
Công ty con sở hữu gián tiếp			
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	2023	289.700.000.000	266.200.000.000
Bên liên quan khác			
▪ Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan	2023	2.061.150.000.000	-
		<hr/>	
		2.350.850.000.000	3.121.950.000.000
		<hr/>	

Tất cả các khoản phải thu về cho vay không có bảo đảm và hưởng lãi suất theo quy định trong các hợp đồng cho vay.

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

Phải thu về cho vay dài hạn phản ánh khoản phải thu về cho vay từ một đối tác, hưởng lãi suất theo quy định trong hợp đồng cho vay và sẽ đáo hạn vào năm 2024. Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng cho vay này thì Công ty có quyền hoán đổi khoản cho vay này để sở hữu 74,99% cổ phần của Công ty Cổ phần Masan Jinju với giá chuyển đổi được xác định tại ngày thực hiện quyền chuyển đổi theo các điều kiện và điều khoản như quy định trong hợp đồng cho vay này.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Lãi phải thu từ khoản cho vay	119.553.387.022	57.347.795.228
Lãi phải thu từ các khoản tiền gửi ngân hàng	-	23.972.603
Lãi phải thu từ chứng khoán kinh doanh phát hành bởi công ty mẹ	-	5.249.206.145
Phân phối lợi nhuận phải thu từ một công ty con	28.000.000.000	-
Phải thu khác từ các công ty con	20.172.333.386	156.736.239
Chi trả hộ cho Công ty Cổ phần MNS Feed và các công ty con	7.965.909.712	-
Đặt cọc ngắn hạn	176.976.808	2.355.860.530
Phải thu khác	178.949.674	855.290.779
	176.047.556.602	65.988.861.524

Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty mẹ		
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	-	25.639.305.460
Các công ty con sở hữu trực tiếp		
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN	9.835.399.959	49.830.135
▪ Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	31.135.513.121	4.921.754.097
Các công ty con sở hữu gián tiếp		
▪ Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	54.530.181.451	32.050.021.792
▪ Công ty TNHH Thực phẩm 3F VIỆT	235.309.226	92.826.128
▪ Công ty Cổ phần 3F VIỆT	235.309.226	-
▪ Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02	340.777.976	-
Bên liên quan khác		
▪ Công ty Cổ phần Tâm nhìn Masan	67.905.010.271	-

Lãi cho vay phải thu từ các bên liên quan không có bảo đảm và có thể thu hồi vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn của nợ gốc vay hoặc ngày hoàn trả của các hợp đồng cho vay liên quan. Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu hồi khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Đầu tư tài chính dài hạn

(a) Đầu tư vào các công ty con

	31/12/2022		1/1/2022	
	% lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	Dự phòng giảm giá VND	% lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	Dự phòng giảm giá VND
Công ty TNHH MNS Meat (“MNS Meat”)	99,99%	2.700.003.000.000	99,99%	2.700.003.000.000
Công ty TNHH MEATDeli HN (“Meat Hà Nam”)*	100,00%	1.296.000.000.000	-	-
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An (“Farm Nghệ An”)*	100,00%	864.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần 3F VIỆT (“3F VIỆT”)	51,00%	614.774.300.000 (73.955.358.964)	51,00%	614.774.300.000
Công ty Cổ phần Masan Jinju (“MSJ”)**	74,99%	315.033.720.000	-	-
		5.789.811.020.000 (73.955.358.964)		3.314.777.300.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(*) Trong năm, các khoản đầu tư gián tiếp vào Farm Nghệ An và Meat Hà Nam đã được chuyển thành các công ty con sở hữu trực tiếp của Công ty.

(**) Đây là khoản đầu tư vào MSJ (do một bên liên quan nắm giữ hộ) mà Công ty kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động dựa trên các điều khoản và điều kiện của một hợp đồng cho vay hoán đổi. Giá gốc của khoản đầu tư sẽ được xác định khi giá thực hiện của quyền hoán đổi được các bên thông nhất (Thuyết minh 7(b)).

Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn thể hiện khoản dự phòng đã trích lập trong năm.



Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động trong năm của các khoản đầu tư vào các công ty con như sau:

	MNS Meat VND	Meat Ha Nam VND	Farm Nghe An VND	3F VIET VND	MSJ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	2.700.003.000.000	-	-	614.774.300.000	-	3.314.777.300.000
Tăng trong năm	-	1.296.000.000.000	864.000.000.000	-	315.033.720.000	2.475.033.720.000
Số dư cuối năm	2.700.003.000.000	1.296.000.000.000	864.000.000.000	614.774.300.000	315.033.720.000	5.789.811.020.000

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty được mô tả như sau:

Tên	Trụ sở	Hoạt động chính
Công ty TNHH Meat MNS	Khu Công nghiệp Sông Mây, Xã Bắc Sơn, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Tư vấn quản lý đầu tư
Công ty TNHH MEATDeli HN	Khu Công nghiệp Đồng Văn IV, Xã Đại Cường, Huyện Kim Bảng, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm liên quan đến thịt
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	Xóm Cón Sơn, Xã Hạ Sơn, Huyện Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Chăn nuôi lợn
Công ty Cổ phần 3F VIỆT	Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Chăn nuôi gia cầm; và chế biến, bảo quản thịt
Công ty Cổ phần Masan Jinju	Nhà máy 5, Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	Sản xuất xúc xích vô trùng; chế biến, đóng gói thịt hộp; và sản xuất, chế biến thực phẩm

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư vào một công ty liên kết

	31/12/2022 và 1/1/2022		
	Số cổ phiếu	% lợi ích kinh tế/ quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Việt Nam Kỹ nghệ Súc sản ("Vissan")	20.180.026	24,94%	648.102.724.017

Hoạt động chính của Vissan là chế biến và kinh doanh thịt tươi sống, thực phẩm chế biến và các sản phẩm chế biến từ thịt.

Không có dự phòng giảm giá đầu tư vào một công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022.

Không có biến động của khoản đầu tư vào một công ty liên kết trong năm.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào một công ty liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

10. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	44.344.572.562	3.463.708.169
Các nhà cung cấp khác	3.110.101.314	755.817.945
	<hr/>	<hr/>
	47.454.673.876	4.219.526.114

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Bên liên quan khác		
▪ Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	44.344.572.562	3.463.708.169
▪ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan	2.234.562.749	-
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce	-	70.571.020
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

11. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cán trừ VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	51.063.656	3.524.784.492	(52.329.933)	(3.523.518.215)	-
Thuế thu nhập cá nhân	534.885.581	15.673.093.724	(13.419.532.998)	-	2.788.446.307
Các loại thuế khác	-	28.000.000	(28.000.000)	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	585.949.237	19.225.878.216	(13.499.862.931)	(3.523.518.215)	2.788.446.307

12. Chi phí phải trả

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí lãi vay	66.629.470.685	66.714.079.453
Thưởng thành tích	8.894.390.401	3.894.420.000
Chiết khấu thương mại	1.729.547.257	1.730.556.458
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	49.170.000	49.170.000
Chi phí khác	9.529.770.260	6.009.494.714
	<hr/>	<hr/>
	86.832.348.603	78.397.720.625

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Lãi phải trả cho Công ty TNHH MNS Farm, một công ty con sở hữu gián tiếp	1.477.041.096	-
Lãi phải trả cho Công ty TNHH MNS Meat Processing, một công ty con sở hữu gián tiếp	1.418.734.248	-
Cổ tức phải trả	733.930.575	869.949.675
Phải trả khác	677.975.705	458.394.082
	4.307.681.624	1.328.343.757

Lãi phải trả cho các công ty con sở hữu gián tiếp không được đảm bảo và được hoàn trả vào ngày sớm hơn của ngày đáo hạn hoặc ngày trả nợ của các hợp đồng vay liên quan.

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Phải trả đầu tư vào MSJ (Thuyết minh 9(a))	315.033.720.000	-
	315.033.720.000	-

14. Vay và trái phiếu phát hành

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2022	Biến động trong năm		31/12/2022
	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Hoàn trả VND	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	29.300.000.000	2.586.800.000.000	(597.900.000.000)	2.018.200.000.000
	29.300.000.000	2.586.800.000.000	(597.900.000.000)	2.018.200.000.000

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Vay các công ty con sở hữu gián tiếp không đảm bảo				
▪ Công ty TNHH MNS Meat Processing	VND	(*)	1.154.200.000.000	-
▪ Công ty TNHH MNS Farm	VND	(*)	864.000.000.000	-
Các khoản vay ngân hàng không đảm bảo	VND	3,4%	-	29.300.000.000
			2.018.200.000.000	29.300.000.000

(*) Các khoản vay không đảm bảo từ các công ty con sở hữu gián tiếp chịu lãi suất theo quy định trong các hợp đồng vay.

(b) Trái phiếu phát hành dài hạn

Giá trị ghi sổ của trái phiếu bao gồm:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Trái phiếu phát hành dài hạn	1.999.980.000.000	1.999.980.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	(26.189.965.975)	(33.332.683.963)
	1.973.790.034.025	1.966.647.316.037

Điều khoản và điều kiện của các trái phiếu phát hành dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá					
▪ MMLB2126001	VND	9,5%	2026	1.973.790.034.025	1.966.647.316.037

Trái phiếu số MMLB2126001 có thời gian đáo hạn 5 năm (2026) và chịu lãi suất năm là 9,5% trong năm đầu tiên và 3,9% cộng với lãi suất huy động trung bình 12 tháng của các ngân hàng lớn được chọn trong các kỳ hạn còn lại. Những trái phiếu này không có bảo đảm.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động trong năm của chi phí phát hành trái phiếu như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	33.332.683.963	-
Tăng trong năm	-	37.063.117.967
Phân bổ trong năm	(7.142.717.988)	(3.730.434.004)
Số dư cuối năm	<u>26.189.965.975</u>	<u>33.332.683.963</u>

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	(Lỗ lũy kế)/ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	3.267.148.470.000	2.119.055.015.149	(2.363.473.770.995)	3.022.729.714.154
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 17)	2.736.000.000	(50.000.000)	-	2.686.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	3.993.722.703.946	3.993.722.703.946
Cổ tức	-	-	(1.602.243.390.300)	(1.602.243.390.300)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	3.269.884.470.000	2.119.005.015.149	28.005.542.651	5.416.895.027.800
Phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 17)	1.444.930.000	7.174.650.000	-	8.619.580.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	13.563.083.445	13.563.083.445
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	3.271.329.400.000	2.126.179.665.149	41.568.626.096	5.439.077.691.245

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	327.132.940	3.271.329.400.000	326.988.447	3.269.884.470.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	327.132.940	3.271.329.400.000	326.988.447	3.269.884.470.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	327.132.940	3.271.329.400.000	326.988.447	3.269.884.470.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động trong năm của vốn cổ phần như sau:

	2022		2021	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	326.988.447	3.269.884.470.000	326.714.847	3.267.148.470.000
Phát hành cổ phiếu	144.493	1.444.930.000	273.600	2.736.000.000
Số dư cuối năm	327.132.940	3.271.329.400.000	326.988.447	3.269.884.470.000

17. Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phiếu của nhân viên

Công ty có kế hoạch về quyền chọn mua cổ phiếu của nhân viên dựa trên đánh giá thành tích của nhân viên. Việc phát hành cổ phiếu trong tương lai theo kế hoạch này phải được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

Vào ngày 24 tháng 8 năm 2022, Công ty đã phát hành 144.493 cổ phiếu (2021: 273.600 cổ phiếu) cho nhân viên theo quyết định của Nghị quyết Hội đồng Quản trị.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê hoạt động**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2022	1/1/2022
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	420.000.000	227.204.640

(b) Ngoại tệ

	31/12/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	5.204	121.766.335	18.086	409.656.959

19. Doanh thu hoạt động tài chính

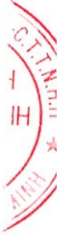
	2022	2021
	VND	VND
Thu nhập lãi	206.052.029.514	135.040.388.046
Thu nhập cổ tức và lợi nhuận được chia từ các công ty con	190.000.000.000	4.000.003.108.500
Lãi từ thanh lý chứng khoán kinh doanh	3.087.909.416	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	8.991.935	3.129.014
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	2.515.307	-
	399.151.446.172	4.135.046.625.560

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***20. Chi phí tài chính**

	2022 VND	2021 VND
Chi phí lãi vay	192.964.837.536	258.397.797.338
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	73.955.358.964	-
Chi phí phát hành trái phiếu	7.142.717.988	3.730.434.004
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	288.865.868
Chi phí khác	65.988.685	59.393.985.072
	274.128.903.173	321.811.082.282

**21. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	87.594.095.481	92.443.976.131
Chi phí thuê hoạt động	1.080.412.128	10.699.772.973
Chi phí dụng cụ văn phòng	1.811.676.712	3.029.815.342
Chi phí khấu hao và phân bổ	276.480.503	397.341.617
Dự phòng phải thu khó đòi	(249.135.955)	9.091.194.831
Chi phí khác	21.202.514.796	31.244.263.546
	111.716.043.665	146.906.364.440

**22. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	13.563.083.445	3.993.722.703.946
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	2.712.616.689	798.744.540.789
Chi phí không được khấu trừ thuế	277.922.840	348.887.900
Thu nhập không chịu thuế	(38.000.000.000)	(800.000.621.700)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	35.009.460.471	907.193.011
	-	-

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	164.020.382.119	32.804.076.424	86.576.186.756	17.315.237.351
Lỗi tính thuế	1.040.312.192.477	208.062.438.495	1.608.094.956.770	321.618.991.354
	<u>1.204.332.574.596</u>	<u>240.866.514.919</u>	<u>1.694.671.143.526</u>	<u>338.934.228.705</u>

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2023	Đã quyết toán	202.694.631.599
2024	Đã quyết toán	334.832.987.975
2026	Chưa quyết toán	405.181.465.911
2027	Chưa quyết toán	97.603.106.992
		<u>1.040.312.192.477</u>

Theo các quy định thuế hiện hành, chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho Nhà nước với mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(d) Các khoản thuế tiềm tàng**

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian từ cục thuế này đến cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và thanh tra của các cơ quan có thẩm quyền khác nhau và cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của họ, bao gồm các quy định chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan có thẩm quyền liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và có thể có ảnh hưởng đáng kể.

23. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan		
Cho vay	258.600.000.000	3.800.000.000.000
Thu hồi khoản cho vay	2.921.350.000.000	1.287.250.000.000
Thu nhập lãi cho vay và trái phiếu	93.417.470.235	36.964.929.5547
Phát hành trái phiếu hoán đổi	-	3.756.912.000.000
Chia cổ tức	-	1.260.516.028.100
Chia sẻ chi phí	235.309.226	-
Các công ty con		
Công ty TNHH MNS Meat		
Góp vốn	-	700.000.000.000
Công ty TNHH MEATDeli HN		
Cho vay	219.400.000.000	365.800.000.000
Thu hồi khoản cho vay	306.400.000.000	665.800.000.000
Thu nhập lãi cho vay	2.204.822.465	10.606.998.640
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An		
Cho vay	-	606.400.000.000
Thu hồi khoản cho vay	106.000.000.000	536.500.000.000
Thu nhập lãi cho vay	1.715.216.440	6.817.235.620
Thu nhập từ phân phối lợi nhuận	190.000.000.000	-

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Công ty Cổ phần 3F VIỆT		
Bán hàng hóa	-	199.278.547.275
Cho vay	-	20.700.000.000
Thu hồi khoản cho vay	-	20.700.000.000
Thu nhập lãi cho vay	-	66.353.425
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn		
Cho vay	131.000.000.000	488.100.000.000
Thu hồi khoản cho vay	107.500.000.000	316.450.000.000
Thu nhập lãi cho vay	16.129.349.332	15.800.947.956
Công ty TNHH MNS Meat Processing		
Vay	1.722.800.000.000	-
Trả nợ gốc vay	568.600.000.000	-
Chi phí lãi vay	1.418.734.248	-
Mua khoản đầu tư	1.296.000.000.000	-
Công ty TNHH MNS Farm		
Vay	864.000.000.000	-
Chi phí lãi vay	1.477.041.096	-
Mua khoản đầu tư	864.000.000.000	-
Các công ty con (đến ngày 1 tháng 12 năm 2021)		
Công ty Cổ phần MNS Feed		
Thu nhập cổ tức	-	4.000.003.108.500
Công ty TNHH MNS Feed Tiền Giang		
Mua hàng hóa	-	297.379.326.095
Bán hàng hóa	-	2.580.236.965
Phí thuê kho	-	450.000.000
Công ty TNHH MNS Feed Thái Nguyên		
Mua hàng hóa	-	152.222.005.280
Bán hàng hóa	-	322.271.550
Phí thuê kho	-	350.000.000
Công ty TNHH MNS Feed Vĩnh Long		
Mua hàng hóa	-	48.171.669
Phí thuê kho	-	1.200.000.000
Công ty TNHH MNS Feed Hậu Giang		
Mua hàng hóa	-	519.393.713.785
Bán hàng hóa	-	6.548.719.720
Phí thuê kho	-	350.000.000

Công ty Cổ phần Masan MEATLife
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2022	2021
	VND	VND
Công ty TNHH MNS Feed Nghệ An		
Mua hàng hóa	-	242.477.221.630
Bán hàng hóa	-	1.063.906.395
Phí thuê kho	-	350.000.000
Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế		
Mua hàng hóa	-	1.096.579.809.380
Bán hàng hóa	-	1.010.944.338
Phí thuê kho	-	572.400.000
Mua khoản đầu tư	-	647.778.834.600
Thanh lý tài sản cố định	-	27.752.082
Công ty Cổ phần Việt – Pháp Sản xuất Thức ăn Gia súc		
Mua hàng hóa	-	4.946.973.880.135
Bán hàng hóa	-	19.235.758.535
Vay	-	741.000.000.000
Trả nợ gốc vay	-	3.852.844.095.436
Chi phí lãi vay	-	162.640.255.334
Thanh lý tài sản cố định	-	18.284.440
Công ty TNHH Một Thành viên Proconco Cần Thơ		
Mua hàng hóa	-	27.401.743.715
Vay	-	199.500.000.000
Trả nợ gốc vay	-	199.500.000.000
Chi phí lãi vay	-	642.772.603
Công ty TNHH Một Thành viên Con Cò Bình Định		
Mua hàng hóa	-	1.171.595.834.455
Bán hàng hóa	-	3.607.237.955
Thanh lý tài sản cố định	-	227.864.500
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Proconco Hưng Yên		
Mua hàng hóa	-	606.875.721.510
Bán hàng hóa	-	430.530.040
Phí thuê kho	-	630.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan		
Chi phí công nghệ thông tin	5.129.058.410	9.387.998.709
Chi phí thuê	205.342.720	-
Phí quản lý	-	80.552.302
Mua hàng hóa	35.686.364	84.541.386

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Công ty Cổ phần Mobicast		
Mua dịch vụ	68.193.195	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution		
Mua hàng hóa	-	143.106.000
Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan		
Trả nợ gốc vay	-	400.000.000.000
Chi phí lãi vay	-	10.129.315.066
Chia cổ tức	-	145.991.898.500
Phát hành trái phiếu hoán đổi	-	650.506.000.000
Cho vay	3.028.150.000.000	-
Thu hồi khoản cho vay	967.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	88.569.667.806	-
Công ty TNHH The Sherpa		
Cho vay	-	3,951,000,000,000
Thu hồi khoản cho vay	-	3,951,000,000,000
Thu nhập lãi cho vay	-	17,319,452,055
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce		
Bán chứng khoán kinh doanh	258.637.909.416	-
Mua hàng hóa	533.595.264	693.270.155
Thanh lý tài sản cố định	13.505.557	
Thành viên quản lý chủ chốt		
Thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt	4.888.553.960	26.175.317.783

Tại ngày và cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 2021, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một bên liên quan, theo các điều kiện giao dịch thông thường.

Công ty Cổ phần Masan MEATLife**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong thù lao cho các thành viên quản lý chủ chốt có các khoản phí, lương và thưởng cho từng thành viên trong Hội đồng Quản trị Công ty và Tổng Giám đốc Công ty như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao (*)		
Ông Danny Le – Chủ tịch	-	-
Ông Trần Phương Bắc – Thành viên	-	-
Ông Huỳnh Việt Thăng – Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Quốc Trung – Thành viên (từ ngày 28 tháng 4 năm 2022)	-	-
Tổng Giám đốc		
Thù lao, lương và thưởng		
Ông Nguyễn Quốc Trung	4.888.553.960	1.582.171.200
Ông Phạm Trung Lâm (đến ngày 25 tháng 11 năm 2021)	-	4.912.124.248

(*) Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty không hưởng thù lao trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 2021.

Công ty cung cấp bảo lãnh thanh toán cho các khoản vay ngân hàng của các công ty con với số dư nợ gốc vay tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty Cổ phần 3F VIỆT	246.361.499.592	99.873.760.099
Công ty TNHH MML Farm Nghệ An	196.000.000.000	464.000.000.000
Công ty TNHH MEATDeli HN	-	502.122.375.634

Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2022	2021
	VND	VND
Tất toán trái phiếu hoán đổi thông qua việc hoán đổi với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần MNS Feed		- 7.283.990.000.000

Ngày 1 tháng 3 năm 2023



Mã Hồng Kim
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Diễm
Giám đốc Tài chính



Nguyễn Quốc Trung
Tổng Giám đốc



